TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG NGUYÊN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24 /2022/HNGĐ-ST Ngày: 09 - 09 - 2022 V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đức Hạnh;

2. Ông Hoàng Nghĩa Toàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hương, cán bộ Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20 /2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị PTT, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Khối X, TTN, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Anh NHA, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Khối X, TTN, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 8 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị PTT trình bày: Chị và anh NHA đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND TTN, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ 02 năm nay. Xác định tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh NHA. Vợ chồng có 02 con chung tên là NT, sinh ngày 04 tháng 6

năm 2003 và NCT, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2005; Vợ chồng ly hôn, con chung NT đã đến tuổi trưởng thành không yêu cầu giải quyết, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung NCT và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: chị T trình bày vợ chồng đã thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân vào ngày 26/5/2022 tại Văn phòng công chứng Hưng Nguyên. Tất cả các thỏa thuận trong văn bản đã được tôn trọng thực hiện xong chỉ còn thỏa thuận ở mục 3 anh A chưa thực hiện (đó khoản tiền chênh lệch 300.000.000 đ). Chị yêu cầu Tòa án buộc anh A phải trả cho chị khoản tiền chênh lệch 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng) theo thỏa thuận ngày 26/5/2022 tại Văn phòng công chứng Hưng Nguyên.

Tại buổi hòa giải ngày 24/8/2022, chị PTT rút yêu cầu buộc anh A trả tiền chênh lệch tài sản chung 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 8 năm 2022, bị đơn anh NHA trình bày và xác nhận: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân đúng như chị T trình bày. Nay chị PTT làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con. Về con chung: Về họ tên, ngày tháng năm sinh của các con chung, chị T trình bày đúng.Nguyện vọng nuôi con chung NCT của chị T anh đồng ý và anh có trách nhiệm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung NCT mỗi tháng 2 triệu đồng.

Tại phiên tòa, chị PTT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, 28, 35, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị PTT được ly hôn anh NHA. Về con chung: Giao con chung tên là NCT, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2005 cho chị PTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn buộc yêu cầu buộc bị đơn trích chia tiền chênh lệch tài sản chung 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Về án phí: Buộc chị PTT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh NHA có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Khối X, TTN, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các bên hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị PTT và anh NHA đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND TTN, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 17 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Quá trình giải quyết, anh A không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tòa án cũng đã dành nhiều thời gian để vợ chồng về đoàn tụ với nhau nhưng anh A cũng không có phương án hóa giải ý định quay về đoàn tụ của chị T và chị T vẫn cương quyết ly hôn điều đó chứng tỏ vợ chồng đã thực sự mâu thuẫn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị PTT được ly hôn anh NHA.

[3]. *Về con chung:* Nguyện vọng nuôi con chung của chị PTT là chính đáng. Hiện cháu T đang ở với chị T, chị T đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Nên cần giao con chung tên là NCT cho chị PTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp và đúng theo nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ của cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Chị PTT rút yêu cầu buộc anh A thực hiện nghĩa vụ trích chia chia tiền chênh lệch tài sản chung (Ba trăm triệu đồng) mà vợ chồng đã thỏa thuận 26/5/2022 tại Văn phòng công chứng Hưng Nguyên nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu của chị T: Đình chỉ yêu cầu về giải quyết tài sản của chị T, dành quyền khởi kiện cho chị Trà khi có yêu cầu.

[5].*Về án phí:* Chị PTT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị PTT được ly hôn anh NHA.

2. *Về con chung*: Giao con chung NCT, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2005 cho chị PTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu của chị T đối với yêu cầu buộc anh NHA trích chia tiền chênh lệch tài sản chung 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), dành quyền khởi kiện cho chị T khi có yêu cầu.

4. *Về án phí:* Chị PTT phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 7.800.000 đ mà chị T đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0011726 ngày 04 tháng 8 năm 2022. Trả lại cho chị PTT số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) án phí chia tài sản.

6. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện Hưng Nguyên;*
- *THA DS huyện Hưng Nguyên*
- *Đương sự;*
- *Nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HS,VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Quốc Tú